

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 937/2021/HNGĐ-ST

Ngày 09 tháng 12 năm 2021

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ
MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thiện Liên Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Hoàng Oanh

2. Ông Trần Văn Phủ

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Trường, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà C Thị Diễm - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1503/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 139/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị Thùy A**

Sinh năm: 1984

Địa chỉ thường trú: 101/13 N, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông **Trần Mạnh B**

Sinh năm: 1980

Địa chỉ thường trú: 101/13 N, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và các biên bản tại Tòa án, nguyên đơn là bà Ngô Thị Thùy A trình bày:

Bà Ngô Thị Thùy A và ông Trần Mạnh B đăng ký kết hôn năm 2008 tại Ủy ban nhân dân phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 207, quyển số 01, ngày 18/10/2008). Hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện.

Thời gian đầu bà A và ông B chung sống bình thường, nhưng bắt đầu từ đầu năm 2017 thì do luôn bất đồng quan điểm, lối sống, tính tình đôi bên không phù hợp nên giữa bà A và ông B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Ông B bỏ bê gia đình, không quan tâm đến gia đình và con cái. Bà A và ông B đã nhiều lần tự hòa giải hàn gắn với nhau nhưng vẫn không có kết quả. Đến nay thì mâu thuẫn giữa bà A và ông B đã đến mức trầm trọng, không thể nào giải quyết được, tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được, bà A không thể nào tiếp tục chung sống với ông B được nữa vì vậy bà A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà A ly hôn với ông Trần Mạnh B để các bên có thể sớm ổn định cuộc sống của mình. Bà A và ông B đã không chung sống với nhau từ năm 2017 và đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay.

Về con chung: Bà A và ông B có 02 con chung là Trần Thùy C - sinh ngày 08/4/2010 và Trần Bảo D - sinh ngày 11/6/2011. Bà A yêu cầu giao trẻ C và trẻ D cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà A có đủ khả năng nuôi hai con nên không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi trẻ C và trẻ D.

Bà A trình bày, ông B đã không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi 02 con chung từ khi bà A nộp đơn tại Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh yêu cầu ly hôn với ông B cho đến nay. Hiện nay bà A là nhân viên công tác tại khu trữ lạnh của Công ty cổ phần Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản tại địa chỉ 420 Nơ A Long, Phường 13, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng lao động số 140/2009/HĐ Cty-TCNS ngày 02/5/2009 và quyết định về việc điều động nhân sự số 4660/QĐ-VISSAN ngày 08/10/2020. Thu nhập trung bình của bà A là 10.000.000 (mười triệu) đồng/tháng. Bà A làm việc giờ hành chính từ 7 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút mỗi ngày. Bà A sống chung với cha mẹ ruột của bà nên nhận được sự hỗ trợ của cha mẹ bà trong việc chăm sóc trẻ C và trẻ D. Bà A là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ C và trẻ D từ khi sinh trẻ C và trẻ D được sinh ra cho đến nay.

Về tài sản chung: Bà A và ông B không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà A và ông B không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Bà A tự nguyện nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Bị đơn - ông Trần Mạnh B trình bày: Tại bản tự khai ngày 26/10/2020, ông B trình bày như sau:

Ông B và bà A tự nguyện kết hôn vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu ông B và bà A chung sống bình thường nhưng bắt đầu từ năm 2017 thì giữa đôi bên nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm và lối sống. Ông B đã bỏ gia đình không quan tâm đến con cái, nhậu nhẹt, bỏ mặc vợ con, không chu cấp tiền bạc nhiều bằng bà A yêu cầu. Bản thân ông B đã nhận thấy những điều ông làm là sai, có lỗi với vợ con. Ông B đề nghị bà A cho ông cơ hội để sửa sai. Ông B còn thương bà A nên không đồng ý ly hôn, không muốn để cho hai con sau này không có mẹ cha đầy đủ.

Về con chung: Ông B và bà A có 02 con chung là Trần Thùy C - sinh ngày 08/4/2010 và Trần Bảo D - sinh ngày 11/6/2011. Trong trường hợp bà A vẫn kiên quyết ly hôn thì ông B đồng ý giao hai con chung cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông B cấp dưỡng nuôi trẻ C và trẻ D với mức 1.000.000 (một triệu) đồng/tháng/trẻ.

Về tài sản chung: Ông B và bà A không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Ngô Thị Thùy A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông Trần Mạnh B vắng mặt không có lý do. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà A vẫn giữ các nguyên ý kiến và yêu cầu như trên.

Tại phần tranh luận, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến tranh luận.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Thẩm phán đã xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nên vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21; khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát thực hiện theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về án phí: Nguyên đơn nộp tiền tạm ứng án phí theo đúng quy định.

Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí, nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh ly hôn. Bị đơn có địa chỉ tại quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là bà Ngô Thị Thùy A có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

Tòa đã tổng đạt xét xử hợp lệ triệu tập bị đơn là ông Trần Mạnh B tham gia phiên tòa sơ thẩm lần 1 mở ngày 10 tháng 11 năm 2021 và lần 2 mở ngày 09 tháng 12 năm 2021 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng vụ án mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 207, quyển số 01, do Ủy ban nhân dân phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Ngô Thị Thùy A và ông Trần Mạnh B ngày 18 tháng 10 năm 2008 cùng lời trình bày của đương sự có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Ngô Thị Thùy A và ông Trần Mạnh B là hôn nhân hợp pháp.

Về phía bà A khai, thời gian đầu bà A và ông B chung sống bình thường, nhưng bắt đầu từ đầu năm 2017 thì do luôn bất đồng quan điểm, lối sống, tính tình đôi bên không phù hợp nên giữa bà A và ông B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Ông B bỏ bê gia đình, không quan tâm đến gia đình và con cái. Bà

A và ông B đã nhiều lần tự hòa giải hàn gắn với nhau nhưng vẫn không có kết quả. Đến nay thì mâu thuẫn giữa bà A và ông B đã đến mức trầm trọng, không thể nào giải quyết được, tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được, bà A không thể nào tiếp tục chung sống với ông B được nữa vì vậy bà A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà A ly hôn với ông Trần Mạnh B để các bên có thể sớm ổn định cuộc sống của mình. Bà A và ông B đã không chung sống với nhau từ năm 2017 và đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay.

Về phía ông B, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông B chỉ đến Tòa một lần duy nhất vào ngày 26 tháng 10 năm 2020 để cung cấp lời khai. Tại bản tự khai ngày 26 tháng 10 năm 2020, ông B trình bày ông không muốn ly hôn, muốn đoàn tụ với bà A. Nhưng sau đó, mặc dù Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục triệu tập ông B đến Tòa để tham gia các phiên họp và hòa giải, các buổi làm việc, xét xử để giải quyết vụ việc cũng nhằm để ông B bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng ông B vẫn không có mặt, cũng không có bất kỳ lời khai nào khác và cũng không cung cấp các chứng cứ, tài liệu kèm theo chứng tỏ ông B cũng không có mong muốn duy trì cuộc hôn nhân này.

Xét thấy, một gia đình hạnh phúc, bền vững phải được xây dựng từ thiện chí và tình cảm tự nguyện của vợ và chồng, nhưng đối với hôn nhân của bà A và ông B, cả hai thể hiện sự không mong muốn tiếp tục duy trì hôn nhân, hôn nhân này không đạt được mục đích nên yêu cầu ly hôn của bà A và ông B là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Bà A và ông B đều xác nhận có 02 con chung là Trần Thùy C - sinh ngày 08/4/2010 và Trần Bảo D - sinh ngày 11/6/2011. Bà A và ông B đều yêu cầu giao trẻ C và trẻ D cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Căn cứ hợp đồng lao động số 140/2009/HĐ Cty-TCNS ngày 02/5/2009 được ký giữa Công ty cổ phần Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản và bà A, quyết định về việc điều động nhân sự số 4660/QĐ-VISSAN ngày 08/10/2020, và giấy xác nhận thu nhập - quá trình công tác ngày 13/11/2020 của cổ phần Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản, thì bà A hiện là nhân viên kho - khu trữ lạnh, có mức lương trung bình khoảng 10.000.000 (mười triệu) đồng/tháng.

Nhận thấy, bà A hiện có nơi cư trú, có việc làm và thu nhập ổn định đảm bảo cho việc nuôi dưỡng và chăm lo cho việc học tập của các con. Với bé gái thì quá trình phát triển về tâm sinh lý rất cần sự gần gũi, chỉ bảo của mẹ. Bà A đang

chung sống với trẻ C và trẻ D nên hơn ai hết bà A là người hiểu rõ nhất nhu cầu cũng như tâm tư tình cảm của hai trẻ. Bên cạnh đó, trẻ C và trẻ D đều có nguyện vọng ở với mẹ. Vì vậy, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung của bà A có cơ sở chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại bản tự khai ngày 26/10/2020, ông B đề nghị cấp dưỡng nuôi trẻ C và trẻ D với mức 1.000.000 (Một triệu) đồng/tháng/trẻ. Bà A khai, ông B đã không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi hai con chung từ khi bà A nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông B tại Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh cho đến nay. Bà A có đủ khả năng nuôi con, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi trẻ C và trẻ D nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc bà A không yêu cầu ông Trưởng cấp dưỡng nuôi trẻ C và trẻ D. Vì lợi ích của con khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà A và ông B đều xác nhận không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết vấn đề tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về vấn đề tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà A xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết vấn đề nợ chung.

[4] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Thùy A - sinh năm 1984 được ly hôn với ông Trần Mạnh B - sinh năm 1980.

2. Về con chung: Có hai con chung là Trần Thùy C - sinh ngày 08/4/2010 và Trần Bảo D - sinh ngày 11/6/2011. Giao trẻ C và trẻ D cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận việc bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi trẻ C và trẻ D.

Ông B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Bà Ngô Thị Thùy A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0088364 ngày 15/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; bà A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Án xử công khai. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSNDQ. Y;
- Chi Cục THADSQ.Y;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND P.X, Q.Y;
- Các đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ

Nguyễn Thiện Liên Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- Chi Cục THADS quận Bình Thạnh;
- UBND Phường 3, quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thiện Liên Hương